



**Câu hỏi và đáp án môn đường lối cách mạng
của đảng cộng sản Việt Nam**

Câu 1: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do NÁQ soạn thảo được thông qua tại hội nghị hợp nhất của Đảng (mùa xuân năm 1930).

*** Hoàn cảnh ra đời:**

- Td P xâm lc đất nc ta, lập nên những chế độ cai trị tàn độc, bóc lột ng dân.
 - XHVN tồn tại 2 m/t cơ bản: Toàn thể dt VN với thực dân P và bọn tay sai, Nông dân với bọn địa chủ phong kiến
 - Ptdtđc ở VN phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải có 1 chính đ lãnh đạo để thống nhất, vạch ra đường lối đúng đắn.
- Sự tồn tại và hoạt động riêng rẽ của 3 tổ chức cộng sản làm cho LL và sức mạnh của PTCM bị phân tán. Điều đó k phù hợp với lợi ích CM và ng/tác tổ chức của ĐCS.

Hội nghị thành lập Đảng thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt...

• Nội dung của Cương lĩnh chính trị:

- Mục tiêu và con đường đi lên của CMVN là: “ TS dân quyền CM” và “thổ địa CM”... để đi tới XH cộng sản.

- Nhiệm vụ cụ thể của CM:

+ Về chính trị: N/vụ hàng đầu được đặt ra là phải đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn PK, giải phóng đất nc, gp cho toàn dt, làm cho đất nc hoàn toàn độc lập. từ đó lập nên 1 chính phủ mới – chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.

+ Về kinh tế: trước tiên phải thủ tiêu hết các thứ quốc trái (rượu cồn, thuốc phiện,...), thu hết các sản nghiệp lớn như CN, vận tải, ngân hàng,... của TB để giao cho chính phủ C-N-B. Thu hết ruộng đất bị thực dân chiếm về làm của công và chia cho dân nghèo. Miễn thuế cho dân nghèo, mở mang cn và nn; thi hành luật ngày làm 8h.

+ Về văn hóa xã hội: nd được tự do, thực hiện quyền bình đẳng giới nam-nữ, tiến hành xóa nạn mù chữ, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa.

Các n/vụ đc đặt ra đều bao hàm cả nội dung dt và d/chu, chống đế quốc và pk. song n/vụ hàng đầu là tập trung mũi nhọn chống đế quốc nhằm giành lại đltd cho toàn nd

- Về lực lượng cách mạng:

+ Lấy g/c c-n làm chủ chốt. ll đánh đổ đế quốc và pk trước hết là do cn và nông dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

+ Ngoài g/c c-n làm trọng tâm, tầng lớp tiểu tư sản yêu nc, trí thức, trung nông cũng khá quan trọng, cần vận động họ tham gia lực lượng CM.

+ Đối với tầng lớp địa chủ, tư bản chưa rõ mặt phản CM thì cần lợi dụng, lôi kéo họ về phe CM, nếu bộ phận nào tỏ rõ phản CM thì cần đánh đổ.

+ Về nguyên tắc liên minh, sách lược chỉ rõ là khi liên lạc với các giai cấp phải rất cẩn thận, không đi vào nhượng bộ một chút lợi ích của công nông mà đi vào con đường thỏa hiệp. Đây là sự sắp xếp lực lượng rất chính xác và khoa học nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nc của dân tộc và cô lập kẻ thù là đế quốc xâm lược và địa chủ pk. Trong lực lượng đó liên minh công nông làm cơ sở, làm nòng cốt cho sự đoàn kết cả dân tộc, đoàn kết mọi lực lượng yêu nước để chống lại kẻ thù chung của cả dân tộc. nhờ đó mà phát huy được truyền thống yêu nước của nhân dân VN, đồng thời củng cố được vai trò lãnh đạo của ĐCS.

- Phương pháp CM:

+ Cương lĩnh vạch rõ: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và pk tay sai, g/p áp bức, đòi lại nền đltd cho đất nc, dựng nên chính phủ c-n-b, tổ chức ra quân đội c-n

+ Để thực hiện được những mục tiêu trên, pp chủ yếu là phải dùng bạo lực cm quần chúng để chống lại bạo lực phản CM, lật đổ chính quyền cũ, thiết lập chính

quyền mới. không thể dùng con đường cải lương, thỏa hiệp. pp này hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với lý luận CN Mác-Lênin, phù hợp với thực tiễn nc ta.

- Lãnh đạo CM là g/c cn thông qua ĐCS: đảng là tiên phong của vs g/c, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng. Do vậy, Đảng phải thống nhất ý chí và hoạt động, đảng viên phải tin theo CN cộng sản, hăng hái đấu tranh và dám hi sinh, phục tùng mệnh lệnh của Đảng.

- Đoàn kết quốc tế: CMVN là một bộ phận của CM vô sản thế giới, đứng trong mặt trận của các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân thế giới.

Do đó, CMVN cần phải liên kết với các dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

Như vậy: cc vắn tắt, sl vắn tắt do NAQ soạn thảo là cương lĩnh CM đầu tiên của ĐCSVN. Đó là một cương lĩnh CM đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, nhuần nhuyễn về quan điểm g/c, thấm đượm tinh thần dt. độc lập tự do gắn liền với định hướng tiến lên CNXH là tt cốt lõi của cương lĩnh này.

• Ý nghĩa của cương lĩnh:

-Xác lập sự lãnh đạo của g/c cn VN; chứng tỏ g/c cn VN đã trưởng thành và đủ sức mạnh lãnh đạo CM; thống nhất tư tưởng, chính trị và tổ chức p/trào cs VN

-Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là một cương lĩnh giải phóng dt đúng đắn và sáng tạo theo con đường CM HCM, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, đáp ứng nhu cầu khách quan của lịch sử, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp và thấm đượm tinh thần dân tộc vì độc lập tự do, tiến hành CM tư sản dân quyền và cm ruộng đất để đi tới XHCS là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này. Giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối CMVN; nắm ngọn cờ lãnh đạo CMVN

-Nhờ sự thống nhất về tổ chức và cương lĩnh chính trị đúng đắn, ngay từ khi ra đời Đ đã quy tụ đc ll và sức mạnh của g/c cn và của dtvn. Đó là 1 đđ đồng thời là 1 ưu đ của Đ làm cho Đ trở thành 1 ll lãnh đạo duy nhất của cmvn., sớm đc nd thừa nhận là đội tiên phong của mình. Tiêu biểu cho lợi ích,danh dự, lương tâm và trí tuệ của dt.

-CM VN trở thành 1 bộ phận của cm thế giới, tranh thủ được sự ủng hộ của CMTG.

Câu 3: trình bày h/c lịch sử, chủ trương và nhận thức mới của Đảng(1936-1939).

-Hoàn cảnh lịch sử:

• Tình hình thế giới:

- Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm 29-33 ở các nước thuộc hệ thống TBCN đã làm cho mâu thuẫn nội tại của CNTB ngày càng gay gắt và ptr CM của quần chúng ngày càng dâng cao.

- CN phatxít đã xuất hiện và thắng thế ở 1 số nơi, tiêu biểu là ở 3 nước: Đức, Italia và Nhật Bản. chúng liên kết lại với nhau thành trục phatxít và tích cực chạy đua vũ trang nhằm phân chia lại địa cầu. CN phatxít là nền chuyên chính khủng bố công khai của những phần tử phản động nhất và ĐQCN nhất của tư bản tài chính. Thực hiện nền chuyên chính độc tài, thủ tiêu mọi quyền tự do tối thiểu ở các nước TB.

- Trước nguy cơ chiến tranh thế giới lần 2, QTCS đã tiến hành đại hội lần thứ VII tại Matxcova vào tháng 7/1935. Đoàn đại biểu ĐCS Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu đã tới dự Đại hội. Đại hội đã xác định 3 nhiệm vụ cơ bản của cuộc CM chung của các dt thuộc địa:

+ Kẻ thù nguy hiểm trc mắt của gcvs và nd lao động thế giới lúc này chưa phải là CNĐQ nói chung, mà là chủ nghĩa phát xít.

+ Nhiệm vụ trc mắt của gccn và nd lao động thế giới lúc này chưa phải là đấu tranh lật đổ CNTB, giành chính quyền mà là đấu tranh chống CN PX, chống chiến tranh bảo vệ dân chủ và hòa bình.

+ Đại hội cũng chỉ rõ vấn đề cần thiết phải thành lập Mặt trận nd rộng rãi chống px, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hòa bình và cải thiện đời sống cho nhân dân các dt

Đây là những nhiệm vụ cơ bản, đúng đắn, kịp thời để chỉ đạo ptr CM TG.

• Tình hình trong nước:

- Cuộc khủng hoảng kinh tế 29-33 đã tác động sâu sắc không những đến đời sống các gc và tầng lớp nd ld mà còn đến cả những nhà tư sản, địa chủ vừa và nhỏ.

- Bọn cầm quyền ở Đông Dương vẫn ra sức bóc lột, vơ vét và khủng bố ptr đấu tranh của nd ta, làm cho tình hình kinh tế, chính trị trong nc hết sức ngột ngạt.

- Tình hình này đã làm cho các gc và tầng lớp tuy có quyền lợi khác nhau, nhưng đều căm thù thực dân Pháp và đều có nguyện vọng chung trước mắt là đấu tranh đòi quyền sống, quyền tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

-Chủ trương và nhận thức mới của Đảng:

- Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh: BCH TƯ Đảng đã xác định CM ở Đông Dương vẫn là CMTS dân quyền phản đế và điền địa lập chính quyền của công nông bằng hình thức Xôviết, đề dự bị điều kiện đi tới CMXHCN

+ Về kẻ thù chung của CM: kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.

+ Về nhiệm vụ trước mắt của CM là chống px, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. BCH TƯ quyết định thành lập MTND phản đế. Để phù hợp với yêu cầu tập hợp lực lượng CM trong tình hình mới, MT ND phản đế đã được đổi tên thành MT DC Đông Dương.

+ Về đoàn kết quốc tế: Để tập trung, cô lập và chĩa mũi nhọn đấu tranh vào bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng ở Đông Dương, đòi các quyền tự do, dân chủ, dân sinh thì ko những phải đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và ĐCS Pháp, ủng hộ MTND Pháp mà còn phải đề ra khẩu hiệu “ Ủng hộ Chính phủ MTND Pháp” để cùng nhau chống lại kẻ thù chung là bọn px ở Pháp và bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương.

+ Về hình thức tổ chức và biện pháp đtr: phải chuyển hình thức tổ chức bí mật ko hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm làm cho Đảng mở rộng sự quan hệ với quần chúng, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng các hình thức và khẩu hiệu thích hợp để tập hợp đông đảo và rộng rãi quần chúng nhân dân, tăng cường sức mạnh và lực lượng CM.

- Nhận thức mới của Đ về mối quan hệ giữa 2 nhiệm vụ dt và dc

Trong văn kiện “ Chung quanh vấn đề chiến sách mới” công bố tháng 10/1936, Đ đã nêu 1 quan điểm mới đó là cuộc dt giải phóng ko nhất định phải kết chặt với cuộc CM ruộng đất, nghĩa là ko thể nói rằng muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển mạnh CM ruộng đất, muốn giải quyết vấn đề ruộng đất thì cần phải đánh đổ đế quốc.

Vì nhiệm vụ chống ĐQ là cần thiết, vấn đề ruộng đất tuy quan trọng nhưng chưa phải bắt buộc ngay, vì thế cần tập trung lực lượng đánh đổ đế quốc trước rồi mới giải quyết vấn đề ruộng đất sau.

Tháng 3/1939, tuyên ngôn của ĐCS Đông Dương đối với thời cuộc nêu rõ tầm họa phát xít đang đến gần, các tầng lớp nd cần phải thống nhất hơn nữa trong việc đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

Tóm lại, trong những năm 36-39, chủ trương mới củ Đảng đã giải quyết đúng mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trc mắt của CM, mqh giữa liên minh công nông và mặt trận đoàn kết dt rộng rãi, giữa vấn đề dt và vấn đề gc, giữa ptr Cm Đông Dương và ptr cm thế giới. Các nghị quyết của BCH TƯ trong thời kỳ này đánh dấu bước trưởng thành của Đ về chính trị và tư tưởng, thể hiện bản lĩnh và tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo của Đ, mở ra 1 cao trào mới trong cả nước.

Câu 4: phân tích hoàn cảnh lịch sử và nội dung chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng (1939-1945). Ý nghĩa của sự chuyển hướng đó.

• Hoàn cảnh lịch sử:

+ Tình hình thế giới:

- Chiến tranh thế giới II bùng nổ.
- Ngày 1-9-39, px Đức tấn công Ba Lan, 2 ngày sau, Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới 2 bùng nổ.
- T 6/1940, Đức tấn công P, bọn TB phản động Pháp đầu hàng làm tay sai cho Đức
- Ngày 22-6-1941, px Đức bất ngờ tấn công LX, hòng tiêu diệt nhà nc XHCN đầu tiên trên thế giới. t/c của cuộc c/tr đã thay đổi về căn bản, trên thế giới hình thành 2 trận tuyến: 1 bên là ll dân chủ do LX đứng đầu, 1 bên là khối PX do Đức đứng đầu.

+ Tình hình trong nước:

- Chiến tranh thế giới nổ ra, ở VN và Đông Dương, thực dân P đã thi hành chính sách thời chiến rất trắng trợn. Các tổ chức quân chúng bị đàn áp dã man, khủng bố nặng nề, chúng ra lệnh động viên bắt lính thuộc địa sang Pháp, bắt phu làm đường, có 8 vạn lính miền bắc bị đưa sang Pháp.

- Ngày 22-9-1940, px Nhật đã tiến vào Lạng Sơn và đổ bộ vào Hải Phòng. Ngày 23-9-1940, tại HN, Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật. Từ đó nhân dân ta chịu cảnh 1 cô bị 2 trùng áp bức, bóc lột của P_N. Mâu thuẫn của dt ta với đế quốc P và px Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

• **Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược:**

Sau khi CTTG 2 bùng nổ, tình hình trong nc và thế giới có những chuyển biến sâu sắc, BCH TƯ Đ đã họp Hội nghị lần thứ 6 (11-1939) đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược sang 1 thời kỳ mới, tiếp đó Hội nghị TƯ Đ lần thứ 7 (11-1940) đã phát triển thêm đường lối chiến lược, đến hội nghị TƯ Đ lần thứ 8 (5-1941) đã hoàn chỉnh nội dung, đường lối, chiến lược.

Nội dung của đường lối:

- Đưa nhiệm vụ gpdt lên hàng đầu: vì Đ xác định nếu ko giải quyết đc vấn đề dtgp, ko đòi đc độc lập tự do cho toàn thể dt thì chẳng những toàn thể quốc gia dt còn chịu mãi kiếp trâu ngựa mà quyền lợi của giai cấp đến ngàn vạn năm cũng ko đòi lại đc. Khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ chia ruộng đất cho dân cày” đc tạm gác lại, thay bằng khẩu hiệu “chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi”, và “tích thu ruộng đất của địa chủ việt gian chia cho dân nghèo”.

- Hội nghị nêu rõ ở nc ta. Mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải giải phóng cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta và đế quốc pháp ,phát xít nhật. Vì vậy nhiệm vụ đánh đuổi P,N là nhiệm vụ của toàn thể nhân dân đông dương. Cuộc cm đông dương là cuộc cm dân tộc gp.

- Quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng CM nhằm mục tiêu gpdt. Ngày 19-5-1941, BCH TƯ Đ thành lập VN độc lập đồng minh hay còn gọi là Việt Minh, thay thế cho MTDTT phản đế Đông Dương, đổi tên các Hội phản đế thành Hội Cứu quốc nhằm liên hiệp các giai cấp, các đồng bào chống chủ nghĩa px, chống chiến tranh đế quốc lại với nhau, tập hợp lực lượng, tăng cường sức mạnh đtr của pt gpdt.

- Quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đ và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại.

+ Để tiến hành được khởi nghĩa vũ trang cần phải xd lực lg CM bao gồm: lực lg chính trị và lực lg vũ trang, xúc tiến thành lập khu căn cứ địa Cm

+ Phương châm và hình thái khởi nghĩa: khởi nghĩa từng phần giành thắng lợi bộ phận rồi tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nc.

+ BCH TƯ Đ còn đặt ra vấn đề công tác xd Đ, gấp rút đào tạo cán bộ lãnh đạo và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng

• **Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược**

- Với tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo, BCH TƯ Đ đã hoàn chỉnh sự chuyển hng chỉ đạo chiến lược nhằm giải quyết mục tiêu hàng đầu của Cm là độc lập dt và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy. Tích cực mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, tích cực chuẩn bị và tiến lên khởi nghĩa vũ trang, giành chính quyền. Đường lối đó phù hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân dân ,của các dt đông dương, có khả năng động viên toàn dân tộc đoàn kết đứng lên đánh pháp đuổi nhật.

- Đường lối giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập hợp rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nớc trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng ở cả nông thôn và thành thị, xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang là ngọn cờ dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh P, đuổi Nhật, giành độc lập cho dt và tự do cho nd.

- Sự chuyển hướng kịp thời này đã khắc phục đầy đủ những thiếu sót của bản luận cương chính trị (10-1939), đưa Cm VN trở về với đúng Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Sự điều chỉnh chiến lược đúng đắn đó đánh dấu 1 bước trưởng thành của Đảng ta, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cm tháng 8 -1945 .

Câu 5: Trình bày h/c lịch sử, nd cơ bản của chỉ thị “ Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12-3-1945. Ý nghĩa lịch sử của bản chỉ thị này.

- Hoàn cảnh lịch sử:

- Tình hình thế giới:

+ Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn quyết định. Hồng quân Liên Xô đang truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu, tiến về thủ đô Béclin của Đức.

+ ở Tây Âu, Anh- Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp, tiến quân về phía Tây nước Đức. Nước Pháp được giải phóng.

+ ở Thái Bình Dương, quân Nhật ở vào tình thế khốn quẫn, chuyển sang phòng ngự và bị thất bại liên tiếp.

- Tình hình trong nước:

+ Mâu thuẫn giữa Nhật- Pháp trở nên gay gắt. Đêm 9-3-45, Nhật nổ súng, đảo chính lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt và nhanh chóng đầu hàng. Sự cấu kết Nhật- Pháp chấm dứt. Sau đảo chính, Nhật giữ nguyên bộ máy cai trị của Pháp ở Đông Dương để làm tay sai cho chúng.

Chớp lấy thời cơ đó, Ngày 12-3-1945, ban thường vụ TƯ Đ ra chỉ thị “ Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”

• **Nội dung cơ bản của chỉ thị:**

- Chỉ thị nhận định: cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra 1 cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi. Tuy nhiên, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

- Chỉ thị xác định: sau cuộc đảo chính, px Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trực tiếp duy nhất của nd Đông Dương, vì vậy phải thay khẩu hiệu “ đánh đuổi px Nhật – P” bằng khẩu hiệu “ đánh đuổi px Nhật”

- Nhiệm vụ trước mắt: Chủ trương phát động cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ để làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa. Chỉ thị xác định lúc này là thời kỳ tiền khởi nghĩa, nên phải có những hình thức đấu tranh, tuyên truyền cho thích hợp như đẩy mạnh tuyên truyền xung phong, biểu tình, tuần hành, bãi công chính trị, phá kho thóc của Nhật để cứu đói, đẩy mạnh xd các đội tự vệ cứu quốc, thành lập căn cứ địa cách mạng... sẵn sàng chuyển sang tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện.

- Phương châm đấu tranh: phát động chiến tranh du kích, tiến hành khởi nghĩa từng phần, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa, tiến tới Tổng khởi nghĩa.

- Dự đoán điều kiện thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa: khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật, quân Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân Đồng minh để phía sau sơ hở. cũng có thể là CM Nhật bùng nổ và chính quyền cm của nd Nhật dc thành lập, hoặc Nhật bị mất nc như Pháp năm 1940, làm cho quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần.

- Đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận. từng địa phương xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang, tự đứng lên khởi nghĩa làm cho lực lượng địch suy yếu, mở rộng căn cứ địa cách mạng.

- **Ý nghĩa của bản chỉ thị**

- Bản chỉ thị ngày 12/3/1945 thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng. Nhờ đó dấy lên một cao trào cách mạng, thúc đẩy tình thế cách mạng mau chóng chín muồi

- Đó là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng và việt minh với khẩu hiệu “ đánh đuổi phát xít nhật” thay cho khẩu hiệu “ đánh đuổi Nhật- Pháp” trong cao trào kháng Nhật cứu nước, trực tiếp dẫn đến thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945.

Câu 2: Luận cương chính trị của Đảng cộng sản Đông Dương (10/1930). Hạn chế của Luận cương của Đảng so với Cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

• Hoàn cảnh ra đời:

-Cương lĩnh đầu tiên của ĐCSVN được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng tháng 2/1930 mới chỉ phác ra những nét cơ bản nhất về đường lối CMVN. Yêu cầu khách quan đòi hỏi phải có 1 cương lĩnh đầy đủ ,toàn diện hơn.

-Sau khi ĐCSVN ra đời, một cao trào CM rộng lớn của quần chúng diễn ra ngày càng sôi nổi và đang trên đà phát triển.

-Tháng 4/1930, sau thời gian học tập ở Liên Xô, Trần Phú được Quốc tế Cộng sản cử về nc hoạt động và đc bổ xung vào ban chấp hành TƯ Đảng, đc giao nhiệm vụ soạn thảo “ Luận cương chính trị”

• Nội dung của Luận cương chính trị

- LCTT đã phân tích đặc điểm, tình hình xh thuộc địa nửa pk và nêu lên những vấn đề cơ bản của CM tư sản dân quyền ở Đông Dương do giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Mâu thuẫn giai cấp diễn ra ngày càng gay gắt giữa 1 bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ. 1 bên là địa chủ pk và tư bản đế quốc.

- Phương hướng chiến lược của CM Đông Dương: luận cương chỉ rõ Tư sản dân quyền CM là thời kỳ dự bị để làm XHCM, sau khi CMTS dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà đấu tranh thẳng lên con đường XHCN

- Nhiệm vụ của CMTS dân quyền: đánh đổ pk, làm Cm ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đó là 2 nhiệm vụ chiến lược có quan hệ khăng khít với nhau, trong đó luận cương xác định vấn đề thổ địa là cái cốt của CMTS dân quyền và là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

- Về lực lượng Cm: giai cấp vô sản vừa là động lực chính của CMTS dân quyền, vừa là gc lãnh đạo Cm. dân cày là lực lượng đông đảo nhất của Cm.

- Về pp CM: để đạt được mục tiêu cơ bản của cuộc Cm là đánh đổ đq và pk, giành c/quyền về tay c-n thì phải ra sức c/bị cho quần chúng về con đg vũ trang bạo động

- Về quan hệ quốc tế: Cm đông Dương là 1 bộ phận của CMTG, vì thế gc vô sản Đông Dương phải đoàn kết, gắn bó với gc vô sản TG, trc hết là vô sản pháp, và phải mật thiết liên lạc với ptr CM ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa nhằm mở rộng và tăng cường lực lượng cho cuộc đấu tranh CM ở Đông Dương.

- Về vai trò l/đ của Đảng: đây là đk cốt yếu cho thắng lợi của Cm. Đ phải có đg lối c/trị đúng đắn, có kỷ luật tập trung, liên hệ mật thiết với quần chúng. Đ là đội tiên phong của gevs, lấy CN Mac-Lênin làm nền tảng tt, đại biểu chung cho quyền lợi của gevs ở Đông Dương, đấu tranh để đạt được mục đích cuối cùng là cnscs

• Hạn chế của Luận cương chính trị so với Cương lĩnh đầu tiên của Đảng:

Nội tiếp và kế thừa những đ/hướng lớn đc vạch rõ từ Cương lĩnh chính trị của Đ do NAQ soạn thảo, “ lctt” tháng 10/1930 đã xác định những v/đề cơ bản trong đg lối chiến lược CM của Đ ta. Tt lớn bao trùm “ lctt” vẫn là quán triệt đ/hướng gắn liền đltd với CNXH, song bên cạnh đó bản luận cương này vẫn còn nhiều hạn chế:

- Lcct chưa tìm ra và nắm vững những đđcủa xh thuộc địa, nửa pk VN. Đó là sự tồn tại 2 m/t cơ bản, m/t giữa toàn thể dtVN với td pháp và tay sai; m/t giữa nd VN mà chủ yếu là nd với địa chủ pk, trong đó m/t giữa toàn thể dt VN với thực dân P là mâu thuẫn cơ bản và bao trùm.
- Vì k xác định được rõ m/t nên đã k đề ra được n/vụ dt, chưa xác định đc n/vụ gp dt là n/vụ hàng đầu. Trong khi nhấn mạnh vai trò của c-n, chưa chú ý đến vai trò vị trí và khả năng cm của các gc và tầng lớp khác. Luận cương chỉ nhấn mạnh một chiều đến đấu tranh giai cấp, chưa quan tâm thích đáng đến vấn đề dt để khơi dậy tinh thần yêu nước vốn là truyền thống lâu đời của dt ta.
- Sách lược và phương pháp cm chừng nào còn thiếu linh hoạt, mềm dẻo.
- Nguyên nhân dẫn đến hạn chế đó là do nhận thức giáo điều, máy móc về vấn đề dt và gc trong CM ở thuộc địa và lại chịu ảnh hưởng trực tiếp khuynh hướng tả của QT cs và 1 số ĐCS trong thời gian đó. Hội nghị BCH TƯ t/10. 1930 đã k chấp nhận những quan điểm mới, sáng tạo độc lập tự chủ của NAQ được nêu trong Đg cách mệnh, chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt.
- Những hạn chế nói trên, sau đó ít lâu, đã đc hội nghị BCH TƯ Đ tiếp theo khắc phục.

- Câu 6 : Phân tích tình hình nước ta sau Cách mạng tháng 8/1945 và nội dung cơ bản của chỉ thị “kháng chiến kiến quốc” ngày 25/11 của BCH TW Đảng? Tình - -hình nước ta sau cách mạng tháng 8/1945

Thuận lợi

- Trên thế giới hệ thống XHCN do Liên Xô đứng đầu được hình thành , phong trào cách mạng gpdt có điều kiện phát triển trở thành một dòng thác cách mạng. phong trào dân chủ và hòa bình cũng đang vươn lên mạnh mẽ.
- Trong nước, chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập từ TW đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh của đất nước. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ chính phủ VN dân chủ cộng hòa do HCM làm chủ tịch.

Khó khăn

-Trên thế giới với danh nghĩa Đồng minh đến tước khí giới của phát xít Nhật quân đội các nước ồ ạt kéo vào chiếm đóng VN và khuyến khích bọn Việt gian chống phá chính quyền cách mạng nhằm xóa bỏ nền độc lập và chia cắt nước ta. Nghiêm trọng nhất là quân Anh, Pháp đã đồng lõa với nhau nỗ lực đánh chiếm Sài Gòn, hòng tách Nam Bộ khỏi VN.

-ở trong nước khó khăn nghiêm trọng là hậu quả do chế độ cũ để lại cụ thể là

+ Về kinh tế, về cơ bản nước ta là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Đầu năm 1945, nạn đói chưa được khắc phục thì thiên tai lũ lụt xảy ra làm cho 50% ruộng đất bị bỏ hoang. Sản xuất công nghiệp bị đình đốn. Ngân sách nhà nước cạn kiệt chỉ còn hơn 1tr đồng lại bị rách nát một nửa.

+ Về văn hóa, hơn 90% dân số bị mù chữ, các tệ nạn xã hội như cờ bạc , nghiện hút.. tràn lan. Đây là những hạn chế lớn về quyền làm chủ đất nước của người công dân nước độc lập.

+ Về chính trị, bọn phản động trong nước ra sức hoạt động, dựa vào thế lực của Pháp và Tưởng để chống phá cách mạng.

+ Trong khi đó ở miền Bắc 20 vạn quân Tưởng lấy danh nghĩa Đồng minh kéo vào nước ta với âm mưu tiêu diệt ĐCS chống phá Việt Minh, núp sau chúng là bọn phản động Việt Quốc, Việt cách tiến hành chống phá cách mạng ở nhiều nơi. Ở miền Nam hơn 1 vạn quân Anh kéo vào giải giáp quân nhật, dọn đường cho Pháp quay lại xâm lược Vn

⇒ Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm là những hiểm họa vớ I chế độ mới, vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”.

-Nd cơ bản của chỉ thị “kháng chiến kiến quốc” ngày 25/11 của BCH TW Đảng

Ngày 25/11/1945, Ban Chấp hành trung ương ra chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" để kịp thời lãnh đạo cách mạng.

Chỉ thị kháng chiến kiến quốc gồm 4 nội dung cơ bản:

- Về chỉ đạo chiến lược: Đảng xác định mục tiêu phải nêu cao của cách mạng VN lúc này là cách mạng giải phóng dân tộc, khẩu hiệu vẫn là “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết” nhưng không phải giành độc lập mà là giữ vững độc lập.

- Kẻ thù chính: Trong khi ở nước ta đang có nhiều kẻ thù, trên cơ sở phân tích từng kẻ thù, Đảng xác định “kẻ thù chính của cách mạng là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Vì vậy phải lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược, mở rộng mặt trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân, thống nhất mặt trận Việt-Miên-Lào..

- Nhiệm vụ chủ yếu : + Củng cố giữ vững chính quyền.

+ Chống thực dân Pháp xâm lược.

+ Bài trừ nội phản.

+ Cải thiện đời sống nhân dân.

- Phương hướng chỉ đạo: Đảng chủ trương kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa-Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế đối với Pháp.

⇒ Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù chính của dân tộc VN là thực dân Pháp, đã kịp thời đưa ra những vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược cách mạng, nhất là nêu rõ 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Vn sau cách mạng tháng 8 là xây dựng đi đôi với bảo vệ đất nước. Đề ra nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về đối nội, đối ngoại để khắc phục nạn đói, nạn dốt, chống thù trong giặc ngoài bảo vệ chính quyền cách mạng

Câu 7: Phân tích chủ trương phát động cuộc kháng chiến toàn quốc và nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp xâm lược (1946-1950)

*** Chủ trương phát động cuộc kháng chiến toàn quốc:**

- Ngày 20-11-46, quân Pháp mở cuộc tấn công đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn và Đà Nẵng, mở đầu cuộc c/tr quy mô x/lược toàn bộ đất nớc và toàn bộ Đông D-ương.

- Ngày 17 và 18-12-1946, tại Hà Nội, quân Pháp khiêu khích và tàn sát đồng bào ở Phố Yên Ninh, Hàng Bún. Sau đó, chúng ngang nhiên chiếm Ngân hàng, trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông.

- Ngày 18 và 19-12-1946, Pháp liên tiếp gửi tới hậu thư đòi Chính phủ ta phải phá bỏ công sự trong thành phố, giải giáp lực lượng vũ trang và giao cho chúng quyền kiểm soát, giữ gìn trật tự Hà Nội. Chúng tuyên bố sẽ hành động bằng sức mạnh quân sự nếu ta không thực hiện các yêu sách đó. Trước tình hình đó Ban thường vụ TW Đảng đã họp tại làng Vạn Phúc (Hà Đông) dưới sự chủ trì của chủ tịch HCM. Hội nghị đã cử phái viên đi gặp phía Pháp để đàm phán nhưng không có kết quả. Hội nghị cho rằng hành động của Pháp chứng tỏ chúng muốn cướp nước ta lần nữa, khả năng hòa hoãn ko còn, hòa hoãn nữa sẽ dẫn đến mất nước. Hội nghị quyết định phát động cuộc kháng chiến trong cả nước và chủ động tấn công trước khi Pháp thực hiện màn kịch đảo chính quân sự ở Hà Nội

- 20 giờ ngày 19-12-1946, mệnh lệnh chiến đấu bắt đầu. Quân dân Thủ đô đã nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến trong toàn quốc. Rạng sáng ngày 20-12-1946 lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của chủ tịch HCM được phát đi trên Đài tiếng nói VN.

***Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp xâm lược:** Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng dần được hình thành từ những nội dung cơ bản thể hiện trong các văn bản: “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” ngày 19-12-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” ngày 22-12-1946 của Ban thông vụ Trung ương Đảng, tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” xuất bản năm 1947 của đồng chí Trường Chinh.

-Mục đích kháng chiến: kế tục và phát triển sự nghiệp cách mạng tháng 8, “đánh phản động thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất và độc lập”

-Tính chất kháng chiến: trường kì kháng chiến, toàn diện kháng chiến.

-Nhiệm vụ kháng chiến: cuộc kháng chiến này là 1 cuộc chiến tranh cách mạng có tính chất dân tộc độc lập và dân chủ tự do.. nhằm hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và phát triển dân chủ mới.

-Phương châm tiến hành kháng chiến: tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

+ Kháng chiến toàn dân:”bất kì đàn ông, đàn bà ko chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kì người già người trẻ. Hễ là người VN phải đứng lên đánh thực dân pháp” thực hiện mỗi người dân là 1 chiến sĩ, mỗi làng xóm là 1 pháo đài.

+ k/c toàn diện: đánh địch về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa ngoại giao:

Về chính trị: thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân, đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng hòa bình, tự do

Về quân sự: thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch, giải phóng nhân dân và đất đai, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh chính quy là triệt để dùng du kích, vận động chiến. Bảo toàn lực lượng, kháng chiến lâu dài.. vừa đánh võ trang thêm, vừa đánh vừa đào tạo cán bộ.

Về kinh tế: tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cấp, tập trung phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.

Về văn hóa: xóa bỏ văn hóa thực dân phong kiến, xây dựng nền văn hóa dân chủ theo 3 nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.

Về ngoại giao: thực hiện thêm bạn bớt thù, biểu dương lực lượng. “ liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp” sẵn sàng đàm phán nếu Pháp công nhận VN độc lập

+ k/c lâu dài (trường kì): là để chống âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa của ta, chuyển hóa tương quan lực lượng từ chỗ yếu hơn địch đến chỗ mạnh hơn địch, đánh thắng địch.

+ Dựa vào sức mình là chính: “phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”, vì ta bị bao vây 4 phía. Khi nào có điều kiện ta sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, song lúc đó cũng ko được phép ỷ lại

+Triển vọng của cuộc k/c: cuộc k/c sẽ lâu dài, gian khổ, song nhất định thắng lợi.

KL: đg lối k/c của Đ với những nd cơ bản nêu trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các ng/lý về chiến tranh cm của chủ nghĩa Mác- Lenin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ. Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi đến thắng lợi vẻ vang.

Câu 8: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng

*** Hoàn cảnh lịch sử:**

a. Thế giới

Đến đầu năm 1951, tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương có nhiều chuyển biến mới. Đó là sự lớn mạnh của xã hội chủ nghĩa làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng trên trường quốc tế có lợi ích cho hòa bình và cách mạng. Nước ta đã được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận và đạt quan hệ ngoại giao. Cuộc kháng chiến của nhân dân 3 nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi quan trọng, song lợi dụng tình thế khó khăn của thực dân Pháp, Đế Quốc Mỹ đã can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Điều kiện lịch sử đó đặt ra yêu cầu bổ xung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

b. Trong nước

Thực hiện đường lối kháng chiến của đảng từ năm 1947 đến 1950 Đảng đã tập trung chỉ đạo cuộc chiến đấu gian chân địch trong các đô thị, củng cố các vùng tự

do lớn đánh bại các cuộc hành quân lớn của địch lên Việt Bắc. Lãnh đạo đầy mạnh xây dựng hậu phương, chống phá thủ đoạn “ lấy chiến tranh nuôi chiến tranh dùng người Việt đánh người Việt “ của thực dân Pháp. Chủ trương thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi của chiến dịch biên giới cuối năm 1950 đã giáng 1 đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của địch, quân ta giành đc quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

***Phân tích nội dung của chính cương Đảng lao động VN**

Tháng 2/1951 Đảng cộng sản Đông Dương đã họp Đại hội Đại biểu lần thứ 2 tại Tuyên Quang và nhất trí tán thành Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương do Chủ tịch HCM trình bày và ra Nghị quyết chia tách Đảng Cộng sản Đông Dương thành 3 Đảng cách mạng để lãnh đạo cuộc kháng chiến của 3 dân tộc Đông Dương đi tới thắng lợi. Ở VN, Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động VN.

Báo cáo hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân tiến tới CNXH của Tổng bí thư Trường Chinh trình bày tại Đại hội của Đảng lao động VN đã thừa kế và phát triển đường lối cách mạng trong các cương lĩnh chính trị trước đây của Đảng thành đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đường lối đó đc phản ánh trong chính cương của Đảng Lao động VN với nội dung cơ bản là :

- **Tính chất xã hội** : “ Xã hội VN hiện nay gồm có 3 tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Ba tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân với tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đã đc giải quyết trong quá trình kháng chiến của dân tộc VN chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ”.
- **Đối tượng cách mạng**: Cách mạng VN có 2 đối tượng, đối tượng chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.
- **Nhiệm vụ cách mạng**: “ Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng VN là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược , giành độc lập thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc . Cho nên lúc này phải tập chung lực lượng vào việc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược”.
- **Động lực của cách mạng**: “ có 4 giai cấp: công nhân , nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước, tiến bộ. Nhưng giai cấp , tầng lớp và phần tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng là công nhân, nông dân và lao động trí thức.
- **Đặc điểm cách mạng**: Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân lao động làm động lực, công nông và trí thức làm nền tảng do giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng VN hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng đó không phải là cách mạng tư sản nôi cũ cũng không phải là cách mạng XHCN mà là một thứ cách mạng dân chủ tư sản theo nôi mới tiến triển thành cách mạng XHCN.
- **Triển vọng của cách mạng**: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân VN nhất định sẽ đưa VN tiến tới Chủ nghĩa xã hội.
- **Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội**: đó là con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua 3 giai đoạn: giai đoạn thứ nhất là nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc; giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ

nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ xen kẽ với nhau.

- **Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng:** người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân, Đảng Lao Động VN là Đảng của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động VN. Mục đích của Đảng là phát triển dân chủ nhân dân, tiến lên xã hội chủ nghĩa ở VN, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở VN.

- **Chính sách của Đảng:** có 15 chính sách lớn nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

- **Quan hệ quốc tế:** VN đứng về phe hòa bình và dân chủ, phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới như Trung Quốc, Liên Xô. Thực hiện đoàn kết Việt – Trung – Xô và đoàn kết Việt – Miên – Lao...

- Đường lối cách mạng VN thông qua chính cương Đảng lao động VN đã tiếp tục được bổ xung phát triển qua các hội nghị Trung Ương.

***Ý nghĩa của chính cương**

Trong nước: việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở chế độ cao, buộc chúng phải công nhận độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương; làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam, tăng thêm niềm tự hào cho dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của VN trên trường quốc tế.

- **Quốc tế:** thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới, cùng với nhân dân Lao và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở ba nước Đông Dương, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

- **Đánh giá về ý nghĩa lịch sử** của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh nói: “lần đầu tiên trong lịch sử một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó cũng là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân VN, đồng thời cũng là một thắng lợi vẻ vang của các lực lượng hòa bình, dân chủ, nhân dân và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.”

Câu 9: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9 năm 1960).

-Hoàn cảnh lịch sử: Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, cách mạng Việt Nam vừa có những thuận lợi mới vừa đứng trước nhiều khó khăn phức tạp:

Thuận lợi.+ Hệ thống xhcn tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khkt, nhất là của Liên Xô

+ ptgpdn tiếp tục phát triển ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh, phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản

+ Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa chung cho cả nước; thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn sau chín năm kháng chiến; có ý chí độc lập thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta từ Bắc chí Nam.

Khó khăn.+ Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, âm mưu làm bá chủ toàn cầu với các chiến lược phản cách mạng; thế giới bước vào thời kì chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa;

+ Xuất hiện sự bất đồng trong hệ thống xhcn, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

+ Đất nước bị chia cắt làm hai miền, kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ và đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta

+ Một Đảng lãnh đạo hai cuộc cách mạng khác nhau, ở hai miền đất nước có chế độ chính trị khác nhau là đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt Nam sau tháng 7/1954

-Nội dung của Chính cương Đảng lao động Việt Nam:Đại hội lần thứ III của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10/09/1960. Đại hội đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Cụ thể là:

+ Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cmxhcn ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cmdtdcnd ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

+Nhiệm vụ chiến lược: “Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại có hai nhiệm vụ chiến lược: một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thối nát của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước”.

+Mục tiêu chiến lược: “Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, mỗi nhiệm vụ nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể của mỗi miền trong hoàn cảnh nước nhà bị chia cắt. Hai nhiệm vụ đó nhằm giải quyết mâu thuẫn chung trước mắt là hòa bình thống nhất Tổ quốc”.

+Mối quan hệ giữa cm hai miền: do cùng thực hiện một mục tiêu chung nên “Hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có t/d thúc đẩy lẫn nhau”.

+Vai trò, nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền đối với cách mạng cả nước: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách cm dt dân chủ nhân dân trong cả nước.

+Con đường thống nhất đất nước: trong khi tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, Đảng kiên trì con đường hòa bình thống nhất theo tinh thần Hiệp định Giơ-ne-vơ: thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử hòa bình thống nhất Việt Nam vì đó là con đường tránh được sự hao tổn xương máu cho dân tộc ta và phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Nhưng chúng ta phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng dậy đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

-Ý nghĩa của đường lối: -Đg lối đó thể hiện tt chiến lược của Đảng: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và cnxh, vừa phù hợp với miền Bắc, vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước và phù hợp với tình hình quốc tế nên đã huy động và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của cm trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình và giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc; do đó đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dt ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ x/lược, g/p m Nam, thống nhất đất nc.-Đặt trong bối cảnh vn và quốc tế lúc bấy giờ, đường lối cmvn đã thể hiện tinh thần đl, tự chủ, sáng tạo của Đ ta trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn vn, vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại.-Đg lối c/lược chung cho cả nước và đg lối cm mỗi miền là cơ sở để Đg chỉ đạo quân dân ta phân đấu giành được những thành tựu to lớn trong quá trình xây dựng cnxh ở mBắc và đấu tranh thắng lợi chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam.

Câu 10: Nghị quyết trung ương lần thứ 11 (tháng 3 năm 1965) và lần thứ 12 (tháng 12 năm 1965) của Đảng lao động Việt Nam.

-Hoàn cảnh lịch sử: Từ đầu năm 1965, để cứu nguy cơ sụp đổ của chế độ Sài Gòn và sự phá sản của chiến lược chiến tranh đặc biệt, đế quốc Mỹ đã ồ ạt đưa quân Mỹ và quân chư hầu vào Miền Nam, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ với quy mô lớn; đồng thời dùng không quân, hải quân tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trước tình hình đó, Đảng ta quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc.

Thuận lợi: Khi bước vào cuộc k/c chống Mỹ, cm thế giới đang ở thế tiến công. Ở m Bắc, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt và vượt các mục tiêu đã đề ra về kinh tế, văn hóa. Sự chi viện về sức người, sức của của miền Bắc cho cách mạng miền Nam được đẩy mạnh theo cả đường bộ và đường biển. Ở miền Nam, vượt qua khó khăn trong những năm 1961-1962, năm 1963, cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã có bước phát triển mới. Ba công cụ của chiến tranh đặc biệt (ngụy quân- ngụy quyền; áp chiến lược và đô thị) đều bị quân dân ta tấn công liên tục. Đến đầu năm 1965, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã bị phá sản.

Khó khăn: Sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc càng trở nên gay gắt không có lợi cho cách mạng Việt Nam. Việc đế quốc Mỹ mở cuộc “chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu trực tiếp xâm lược miền Nam đã làm cho tương quan lực lượng trở nên bất lợi cho ta. Tình hình đó đặt ra yêu cầu mới cho Đảng ta trong việc xác định quyết tâm và đề ra đường lối kháng chiến nhằm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trên cả nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

-Nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ

+Về nhận định tình hình và chủ trương c/lược: TŨ Đảng cho rằng “chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, buộc phải thực thi trong thuế thua, thế thất bại và bị động cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn chiến lược. Từ sự phân tích và nhận định đó, Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược trong toàn quốc, coi chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

+Quyết tâm và mục tiêu c/lược: nêu cao khẩu hiệu: “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ x/lược”, Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh x/lược của đế quốc Mỹ trong bất kì tình huống nào, nhằm bảo vệ mBắc, giải phóng mNam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”.

+Phương châm chỉ đạo chiến lược: Tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam, đồng thời phát động chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc; thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

+Tư tưởng và phương châm đấu tranh ở miền Nam: giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. “Tiếp tục kiên trì phương châm: kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công”, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

+Chỉ đạo đối với miền Bắc: chuyển hướng xd kinh tế, bảo đảm tiếp tục xd miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc c/tr nd chống chiến tranh phá hoại của Mỹ để bảo vệ vững chắc miền bắc xã hội chủ nghĩa, vận động sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng “Chiến tranh cục bộ” ra cả nước.

+N/vụ và mối q/hệ giữa cuộc chiến đấu ở hai miền: trong cuộc c /tr chống Mỹ, cứu nước, mNam là tiền tuyến lớn, mBắc là hậu phương lớn. Bảo vệ mBắc là n/vụ của cả nước vì xhcn là hậu phương vững chắc trong cuộc c/tr chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc c/tr phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng về mọi mặt nhằm đảm bảo chi viện đặc lực cho miền Nam càng đánh càng mạnh. Hai nhiệm vụ trên không tách rời nhau mà mật thiết gắn bó với nhau. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

-Ý nghĩa của đường lối:Đg lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng được đề ra tại các Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và 12 có ý nghĩa hết sức quan trọng:

+Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

+Thể hiện t t nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và cnxh, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cm trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

+Đó là đg lối c/tr nd toàn dân, toàn diện lâu dài và dựa vào sức mình là chính đc p/triển trong h/c mới, tạo nên sức mạnh mới để dt ta đủ sức đánh thắng giặc Mỹ x/lược.

Câu 11: Phân tích mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta trong thời kỳ đổi mới. Liên hệ với thực tiễn ở địa phương

CNH-HDH là qua trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quabr lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ cônglaf chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ tạo ra năng suất lao động xã hội cao

Mục tiêu: -Mục tiêu cơ bản CNH-HĐH là cải biến nước ta thành một nước cn có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của LLSX tiên bộ, mức sống vật chất và tinh thần

cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh

-Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển

-Tạo nền tảng đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

1. CN hóa gắn với hiện đại hóa; CNH-HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức

-Khái niệm CNH truyền thống: CNH là quá trình thay thế lao động thủ công bằng lao động máy móc trong sản xuất

-CNH phải gắn liền với HDH do sự phát triển của CMKHCN cùng với xu hướng hội nhập toàn cầu hóa. Vì vậy chúng ta có thể tận dụng, nhập khẩu công nghệ mới để phát triển kinh tế ở một số khâu, một số lĩnh vực

-CNH –HDH phải gắn với phát triển kinh tế tri thức vì trên thế giới nhiều nước đang chuyển từ nước công nghiệp sang phát triển tri thức. Do đó ta tận dụng được lợi thế của 1 nước phát triển sau, ta không cần phải tuân tụt mà phát triển theo con đường rút ngắn

-Theo tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế(OECD): kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải nâng cao chất lượng đời sống

Đặc trưng của kinh tế tri thức

-Tất cả các ngành tác động đến nền kinh tế là những ngành dựa vào tri thức dựa vào thành tựu mới của KHCN

-Những ngành kinh tế truyền thống được ứng dụng KHCN cao

-Đặc điểm của kinh tế tri thức

-LLSX-trí thức: trở thành yếu tố hàng đầu quyết định đến sự tăng trưởng kinh tế

-Công nghệ thông tin: thông tin là tài nguyên của quốc gia và nền kinh tế có hệ thống mạng thông tin được phát triển rộng rãi

-Nguồn nhân lực nhanh chóng được tri thức hóa, sáng tạo và học tập trở thành nhu cầu và đổi mới thường xuyên

-Cơ hội và thách thức: thách thức mang tính cơ hội

2. CNH-HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường đ/hướng XHCN và hội nhập quốc tế

-Lực lượng Trước đây tiến hành CNH trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp->lực lượng tiến hành CNH là nhà nước bằng một hệ thống chỉ tiêu, kế hoạch, pháp lệnh

+Trong thời kỳ đổi mới có nhiều thành phần kinh tế nên CNH-HĐH được xem là sự nghiệp của toàn dân trong đó thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo

-Phương thức phân bổ các nguồn lực

+Trước đổi mới: phân bổ các nguồn lực thông qua kế hoạch chỉ tiêu nhà nước

+Trong thời kỳ đổi mới: phân bổ các nguồn lực theo cơ chế thị trường->hiệu quả kt cao

-Chiến lược phát triển:

+Trước đổi mới phát triển theo mô hình khép kín

+Trong thời kỳ đổi mới: CNH được tiến hành trong bối cảnh mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới. Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững

+Nhân tố con người là yếu tố quyết định trong các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế

+Để phát huy được nhân tố con người cần coi trọng phát triển giáo dục và đào tạo, phải có cơ cấu lao động hợp lý

-Coi phát triển khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực của CNH-HĐH

+ Vai trò của KHCN: quyết định đến năng suất chất lượng, hiệu quả của sản xuất kinh doanh. Từ đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế

+ Đặc điểm của KHCN nước ta: trình độ thấp nên để tiến hành CNH-HĐH gắn với phát triển tri thức phải phát triển KHCN

+ Giải pháp: nhập khẩu công nghệ, kết hợp với công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học....

-Phát triển nhanh hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học

- M
Mục tiêu xây dựng CNXH là thực hiện dân giàu nước mạnh XH công bằng, dân chủ văn minh
- B
Giải pháp: phát triển kinh tế nhanh, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, phát triển văn hóa giáo dục, y tế, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng
- P
Phát triển bền vững đòi hỏi: phải bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, đó cũng chính là bảo vệ môi trường sống của con người

Liên hệ với địa phương

Câu 12: Phân tích nội dung và định hướng CNH-HĐH gắn liền với phát triển kinh tế tri thức. Liên hệ với thực tiễn địa phương

Nội dung: Đại hội X của Đảng chỉ rõ :”Chúng ta tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế cả nước ta rút ngắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng XHCN gắn với phát triển kinh tế tri thức .Phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và CNH-HĐH”

Nội dung cơ bản của quá trình này

-Phát triển các ngành và sp k/tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp sử dụng nguồn vốn tri thức của con người VN với tri thức mới nhất của nhân loại

-Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước , ở từng vùng , từng điwaj phương, từng dự án kinh tế -xã hội

-Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành , lĩnh vực có sức mạnh cạnh tranh cao

Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong qua trình đẩy mạnh CNH-HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức

- Đẩy mạnh CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn , giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân , nông thôn

Chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, đẩy nhanh tiến bộ KHKT và công nghệ sinh học vào sản xuất , nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa , phù hợp đặc điểm từng vùng , từng địa phương

Tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp

Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn , thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Xây dựng các làng, xã , ấp, bản có cuộc sống no đủ văn minh môi trường lành mạnh; Hình thành các khu dân cư đô thị với kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội đồng bộ; phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Chú trọng dạy nghề , giải quyết việc làm cho nông dân , trước hết ở các vùng có sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng các cơ sở công nghiệp , dịch vụ , giao thông , các khu đô thị mới. Chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng làm công nghiệp và dịch vụ.Tạo điều kiện để lao động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn , kể cả đi lao động ở nước ngoài.

-Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ

Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh ; tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động ; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế , nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất, tích cực thu vốn trong nước và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án quan trọng. Có chính sách hạn chế xuất khẩu tài nguyên thô. Thu hút chuyên gia giỏi, cao cấp của nước ngoài và trong cộng đồng người Việt định cư ở nước ngoài.

Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ , nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn có sức cạnh tranh, đưa tốc độ phát triển các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP. Tận dụng tốt thời cơ hội nhập kinh tế quốc tế để tạo bước phát triển ngành “ công nghiệp không có khói “ này

- Phát triển kinh tế vùng

Cơ cấu kinh tế vùng là một trong những cơ cấu cơ bản của nền kinh tế quốc dân . Xác định đúng đắn cơ cấu vùng có ý nghĩa quan trọng , nó cho phép khai thác có hiệu quả các lợi thế so sánh của từng vùng , tạo ra sự phát triển đồng đều giữa các vùng trong cả nước

-Phát triển kinh tế biển

Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến hải sản, phát triển du lịch biển, đảo. Đẩy mạnh và phát triển ngành công nghiệp đóng tàu biển, đồng thời hình thành 1 số hành lang kinh tế ven biển.

-Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ

Để chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa , hiện đại hóa gắn liền với phát triển tri thức cần phải:

+ Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo đến năm 2010 có nguồn nhân lực với cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao, tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.

+ Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học và công nghệ . Lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở 1 số ngành , lĩnh vực then chốt

+Kết hợp chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức .

+ Đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đặc biệt là cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù sáng tạo và khả năng rủi ro của hoạt động khoa học và công nghệ.

-Bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên

Xuất phát từ yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong quá trình CNH-HĐH gắn với phát triển tri thức vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên và cải tạo môi trường tự nhiên được xác định

+ Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là các tài nguyên đất, nước, khoáng sản và rừng. Ngăn chặn các hành vi hủy hoại và gây ô nhiễm MT, khắc phục tình trạng xuống cấp MT ở các lưu vực sông đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, nơi đông dân cư có nhiều hoạt động kinh tế.

+ Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng thủy văn chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn

+ Xử lý tốt mqh tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa với bảo vệ MT, bảo đảm phát triển bền vững

+ Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ MT và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

Liên hệ thực tiễn địa phương

Câu 13: Phân tích kết quả, ý nghĩa, hạn chế, nguyên nhân thực hiện đường lối CNH-HĐH ở nước ta thời kỳ đổi mới

Kết quả: Sau hơn 20 năm đổi mới nước ta đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong đó có những thành tựu nổi bật của CNH-HĐH.

-Một là, cơ sở vật chất kỹ thuật của đất nước đang tăng cường đáng kể, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao. Từ một nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, cơ sở vật chất yếu kém đi lên đến nay cả nước đã có hơn 100 khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung, nhiều khu công nghiệp hoạt động có hiệu quả. Ngành xây dựng tăng trưởng nhanh bình quân thời kỳ 2001-2005 đạt 16,7% năm. Việc xây dựng đô thị nhà ở đạt hiệu quả, hàng năm đưa vào sử dụng hàng triệu m² nhà ở (bình quân thời kỳ 2001-2005, tăng mỗi năm 20 triệu m²). Công nghiệp nông thôn và miền núi có bước tăng trưởng cao hơn tốc độ trung bình của cả nước.

-Hai là, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng CNH-HĐH đã đạt được những kết quả quan trọng.

+ Cơ cấu kinh tế vùng đã có sự điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh từng vùng. Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển khá nhanh đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng và là đầu tàu của nền kinh tế

+ Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu.

+ Cơ cấu lao động đã có nhiều chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch kinh tế. Từ năm 2000 đến năm 2005, tỷ trọng lao động trong công nghiệp và xây dựng tăng từ 12,1% đến 17,9%; dịch vụ tăng từ 19,7% đến 25,3%; nông lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 68,2% xuống còn 56,8%; lao động qua đào tạo tăng từ 20% đến 25%.

-Ba là, những thành tựu của CNH-HĐH đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân các năm 2006-2007 đạt 8%/ năm. Thu nhập bình quân đầu người hàng năm tăng.

***Hạn chế:** - Trình độ SX, nhất là thiết bị, CN và năng lực quản lý còn lạc hậu, chất lượng SP thấp, giá thành cao, năng lực cạnh tranh kém, Năm 2007, sức cạnh tranh của VN đứng thứ 68/131 quốc gia được bình chọn.

-Số lượng doanh nghiệp tăng nhanh nhưng quy mô nhỏ là phổ biến.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn thấp so với khả năng và so với nhiều nước trong khu vực đầu thời kỳ công nghiệp hóa. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người còn thấp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu thao chiều rộng, tập trung vào các ngành công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao, sử dụng nhiều tài nguyên vốn và lao động. Năng suất lao động còn thấp so với nhiều nước trong khu vực.

-Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả cao; tài nguyên đất đai và các nguồn vốn của nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Nhiều nguồn lực trong dân chưa phát huy.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Trong công nghiệp các hàm lượng có tri thức cao còn ít. Trong nông nghiệp SX chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường. Nội dung CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn còn thiếu cụ thể. Chất lượng nguồn nhân lực của đất nước còn thấp. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao, tỷ trọng lao động qua đào tạo còn thấp, lao động thiếu việc làm và không có việc làm còn nhiều.

- Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Kinh tế vùng chưa có sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả thấp và chưa được quan tâm đúng mức.

-Cơ cấu thành phần k/tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tạo đc đầy đủ MT hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và khả năng phát triển của các thành phần k/tế.

- Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý. Công tác quy hoạch chất lượng thấp, quản lý kém chưa phù hợp với kinh tế thị trường.

- Nhìn chung, mặc dù đã cố gắng đầu tư, nhưng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội vẫn còn lạc hậu thiếu đồng bộ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế XH***Nguyên nhân:**Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là ng/nhân chủ quan như:-Nhiều chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt các nguồn nhân lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc p/triển ktXH

- cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả. Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới chưa đáp ứng yêu cầu

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện yếu kém. Ngoài các nguyên nhân chung nói trên, còn có các nguyên nhân cụ thể, trực tiếp như: Công tác quy hoạch chất lượng kém, nhiều bất hợp lý dẫn đến quy hoạch “treo” khá phổ biến gây lãng phí nghiêm trọng; cơ cấu đầu tư bất hợp lý làm cho đầu tư kém hiệu quả, công tác quản lý yếu kém.

Câu 14: Phân tích mục tiêu quan điểm cơ bản về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Liên hệ với thực tiễn ở địa phương

-Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

Thể chế kinh tế và thể chế KTTT

Thể chế kinh tế: một hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế. nội dung của thể chế kinh tế:

- ác đạo luật, quy chế, quy tắc chuẩn mực về kinh tế gắn với các chế tài về kinh tế C

- ác tổ chức kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và cơ chế vận hành nền kinh tế C

Thế chế KTTT: là một tổng thể bao gồm các quy tắc luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường

Thế chế KTTT bao gồm:

- ác quy tắc về hành vi kinh tế diễn ra trên thị trường-các bên tham gia thị trường với tư cách là các chủ thể thị trường C
- ách thức thực hiện các quy tắc nhằm đạt được mục tiêu hay kết quả mà các bên tham gia thị trường mong muốn C
- ác thị trường nơi hàng hóa được giao dịch, trao đổi C

Thế chế KTTT định hướng XHCN :là nền kinh tế vừa tuân theo các quy luật của KTTT(quy luật giá trị, cung cầu....) vừa chịu sự chi phối của các yếu tố đảm bảo tính định hướng XHCN. Do đó thế chế KTTT định hướng XHCN được hiểu là thế chế thị trường, trong đó các thể chế công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển LLSX, cải thiện đời sống nhân dân, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ ,công bằng văn minh

-Mục tiêu cơ bản đến năm 2020: Mục tiêu cơ bản của hoàn thiện thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là làm cho nó phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường , thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng XHCN, thực hiện mục tiêu “ dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh”, xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc VN XHCN. Mục tiêu này yêu cầu phải hoàn thành cơ bản vào năm 2020

-Mục tiêu cụ thể đến năm 2010 cần đạt các mục tiêu:

+ Một là, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, đảm bảo cho nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển thuận lợi. Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp. Hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

+ Hai là, đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công

+ Ba là, phát triển đồng bộ đa dạng các thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và quốc tế.

+ Bốn là, giải quyết tốt các mqh giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa đảm bảo tiến bộ công bằng xã hội, bảo vệ MT

+ Năm là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò của mặt trận bảo vệ tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế- xã hội.

Quan điểm về hoàn thiện thể chế KTT định hướng XHCN

Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện ở VN, đảm bảo định hướng XHCN nền kinh tế.

Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường và các loại thị, giữa thể chế kinh tế, thể chế chính trị, xã hội; giữa nhà nước, thị trường, xã hội. Gắn kết hòa hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng XH, phát triển văn hóa và bảo vệ MT

Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại, kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn XH

Chủ động, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc đồng thời phải có bước đi vững chắc. Vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước, phát huy sức mạnh của các hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN.

Câu 15: Phân tích một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN. Liên hệ với thực tiễn ở địa phương

a)thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN chính là điều kiện phải có để hoàn thiện được thể chế KTTTĐHXHCN tức là làm cho nó phù hợp với yêu cầu và nguyên tắc của KTTTĐHXHCN, làm cho nó vận hành thông suốt và có hiệu quả..Một số bảo đảm cần thống nhất:

+ Làm phương tiện xây dựng XHCN

+ Là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo ĐHXHCN

+ ĐHXHCN vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa chịu chi phối của quy luật KT XHCN, đảm bảo tính định hướng XHCN

b) Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh

- Hoàn thiện sở hữu về thể chế sở hữu kinh doanh: với các phương thức cơ bản là

+ Khẳng định đất đai là thuộc quyền sở hữu của toàn dân mà đại diện là nông dân, đảm bảo và tôn trọng quyền của người sử dụng đất

+ Tách biệt vai trò quản lý của nhà nước với vai trò sở hữu tài sản, tách biệt chức năng chủ sở hữu tài sản với CN quản trị kinh doanh của doanh nghiệp

+ Quyết định quyền lợi, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với tài sản của mình và đối với XH

+ Ban hành các quyết định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, cá nhân

-Hoàn thiện thể chế về phân phối

+ Hoàn thiện luật pháp cơ chế chính sách về phân bổ nguồn lực phân phối và phân phối lại theo hướng đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tiên bộ và công bằng XH trong từng bước từng chính sách phát triển

+ Đổi mới phát triển nâng cao hiệu quả hành động của các chủ thể trong nền kinh tế

+ Đổi mới phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác theo cơ chế thị trường

+ Đổi mới cơ chế quản lý của nông nghiệp để các đơn vị để các đơn vị sản xuất độc lập phát triển mạnh mẽ có hiệu quả

c) Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường

-Hoàn thiện về

- + Thể chế về giá, cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh
- + Khung pháp lý cho việc ký kết và thực hiện hợp đồng
- + Cơ chế giám sát, điều tiết thị trường, xúc tiến thương mại

-Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, bất động sản, tiền công tiền lương

-Xây dựng đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý hỗ trợ các tính chất nghiên cứu đổi mới cơ chế đổi mới khoa học và công nghệ; Nhà nước phát triển đầu tư đẩy mạnh XH hóa ban hành tiêu chuẩn tiêu chí về các hộ này

d) Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công bằng xã hội trong từng bước từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

- + Thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu đồng thời xóa đói giảm nghèo, đặc biệt ở các vùng nông thôn miền núi, vùng dân tộc và căn cứ CM trước đây
- + Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội và làm tốt công tác bảo trợ XH
- + Hoàn thiện luật pháp, chính sách bảo vệ môi trường

e) Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng quản lý của nhà nước và sự tham gia tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng để tạo ra sự đồng thuận trong xã hội
- Đổi mới và nâng cao vai trò, hiệu lực kinh tế và quản lý của nhà nước để nền KTTT phát triển theo ĐHXHCN và hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả
- Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách tạo điều kiện để các tổ chức dân cư tổ chức chính trị XH, tính chất XH nghề nghiệp để nông dân phát huy vai trò trong phát triển KTTTĐHXHCN

Câu 18: trình bày quá trình đổi mới nhận thức, quan điểm và chủ trương giải quyết các vấn đề XH trong thời kỳ đổi mới. Liên hệ thực tiễn

a. Quá trình đổi mới nhận thức

-Trong những năm 1986-1995: Đại hội VI nâng cao các vấn đề XH lên tầm chính sách, chỉ rõ tầm quan trọng của chính sách xh đối với chính sách kinh tế và các lĩnh vực khác. Đại hội VIII chủ trương tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng XH ngay trong từng bước và trong quá trình phát triển; thực hiện nhiều hình thức phân phối, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo; các vấn đề chính sách XH đều giải quyết theo tinh thần XH hóa

-Trong những năm 1996-2008: Đại hội IX chủ trương chính sách XH phải hướng vào phát triển và lành mạnh hóa XH thực hiện công bằng phân phối..Đại hội X chủ trương phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực từng địa phương. Khi Việt Nam gia nhập WTO, hội nghị TW 4 khóa X(1-2007) nhấn mạnh giải quyết tốt các vấn đề XH nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO

b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề XH

- Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển
- Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ
- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người HDI và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

c) Chủ trương về giải quyết các vấn đề XH

- Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu xóa đói giảm nghèo
- Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe
- Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả
- Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi
- Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình
- Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội
- Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng

Câu 16: phân tích mục tiêu quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới

Mục tiêu của hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới:” Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị của nước ta trong giai đoạn đổi mới là nhằm xd hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”

Quan điểm hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới

- + Dùng khái niệm hệ thống chính trị thay cho khái niệm hệ thống chuyên chính vô sản và khái niệm chế độ làm chủ tập thể dung trước đây
- + Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới chính trị làm trung tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị
- + Đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân
- + Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện đồng bộ có kế thừa có bước đi hình thức cách làm phù hợp
- + Đổi mới mqh giữa các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị tạo ra tác động cùng chiều thúc đẩy XH phát triển

Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới

*Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị

-ĐCS có vai trò lãnh đạo toàn XH không phải ngẫu nhiên mà là một thực tế lịch sử có tính quy luật

+ ĐCS là 1 LLXH tiên tiến nhất được vũ trang bằng lý luận khoa học của chủ nghĩa mác lenin, nhờ đó mà đề ra đường lối đúng đắn, hợp quy luật có khả năng biến đường lối đó thành hiện thực

+ Bằng thực tiễn đấu tranh kiên cường chống đế quốc và phong kiến Đ đã chiếm được lòng tin của đa số quần chúng nhân dân

+ Trong cuộc đấu tranh ĐCSVN tạo được uy tín quốc tế và sự giúp đỡ của phong trào cộng sản công nhân quốc tế

- Sự lãnh đạo của Đ với nhà nước và XH bằng các hình thức

+ Đề ra đường lối chiến lược, các mục tiêu phát triển KTXH

+ Đ bồi dưỡng và giới thiệu cán bộ của Đ vào cơ quan nhà nước thông qua bầu cử của nhân dân

+ Kiểm tra thực hiện đường lối, phát hiện những thiếu sót bổ xung

+ Sự lãnh đạo của Đ thông qua các tổ chức Đ được thành lập trong cơ quan nhà nước

+ Phương pháp lãnh đạo là giáo dục, thuyết phục, nêu gương

* Xây dựng nhà nước trong hệ thống chính trị

- Nhà nước XHCN là biểu hiện tập trung nhất của quyền lực của nhân dân

+ Mọi công việc lớn có ý nghĩa quan trọng với XH phải do ND quyết định

+ Mọi thiết chế chính trị XH đều do ND lập ra, hoạt động vì ND và chịu sự giám sát của ND

- Nhà nước là công cụ hữu hiệu nhất để thực hiện quyền lực của ND

+ Nhà nước có cơ sở XH rộng rãi tạo điều kiện để triển khai nhanh chính sách của mình

+ Nhà nước thực hiện quyền lực của nhân dân bằng sức mạnh cưỡng chế nhằm duy trì ổn định chính trị XH

+ Nhà nước có nguồn tài chính cần thiết để triển khai chính sách của mình

+ Nhà nước là chủ thể duy nhất của công pháp quốc tế

- Quyền lực của nhà nước là thống nhất có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp

* Xây dựng mặt trận tổ quốc và các đoàn thể c/trị - xã hội trong hệ thống chính trị

- Các tổ chức XH là tập hợp của quần chúng ND, liên kết nguyên tắc tự nguyện, tham gia và tự quản lý, được thành lập và nhằm đáp ứng của các thành viên.

- Các tổ chức này có đặc điểm giống nhau: giữa các tổ chức và hội viên hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện; hoạt động trên cơ sở pháp luật; có quy chế điều lệ do chính tổ chức đó ban hành

- Tùy theo tính chất, tôn chỉ, mục đích của các tổ chức chính trị XH tham gia vào hệ thống chính trị để bảo vệ lợi ích của ND lao động, đáp ứng nhu cầu nguyện vọng người lao động, theo cơ chế của Đ lãnh đạo, nhà nước quản lý ND làm chủ. Thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện XH

Liên hệ với địa phương

Câu 17: phân tích quan điểm chỉ đạo, chủ trương về xây dựng và phát triển nền văn hóa trong thời kỳ đổi mới. liên hệ với thực tiễn địa phương

-Khái niệm văn hóa Việt Nam:

Theo nghĩa rộng: Văn hóa Việt nam là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc VN sáng tạo trong quá trình dựng nước và giữ nước

Theo nghĩa hẹp:

- Văn hóa là đời sống tinh thần của XH
- Văn hóa là các giá trị truyền thống của lối sống
- Văn hóa là năng lực sáng tạo của dân tộc
- Văn hóa là bản sắc của dân tộc để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác

Quan điểm chỉ đạo về xd và phát triển nền văn hóa trong thời kỳ đổi mới

-Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội

+ Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội

Văn hóa được tạo thành bởi 1 hệ các giá trị tạo nên bản sắc của mỗi dân tộc, các giá trị này thấm nhuần trong mỗi con người và cả cộng đồng, được tiếp nối qua các thế hệ, đc vật chất hóa bền vững trong cấu trúc kinh tế XH. Nó tác động hàng ngày đến cuộc sống vật chất tinh thần của mọi thành viên trong môi trường văn hóa XH

+ Văn hóa là động lực của phát triển

-Văn hóa là kết quả của sự sáng tạo của con người thể hiện tiềm năng sáng tạo của dân tộc. Vì vậy nó là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển của dân tộc đó

- Trong nền kinh tế tri thức thì tri thức, kỹ năng trở thành nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển
- Vai trò động lực và điều tiết của văn hóa trong KTTT
- Vai trò động lực của văn hóa trong hội nhập và bảo vệ môi trường
- Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong công việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng XH mới
- + Văn hóa là mục tiêu của phát triển
 - Mục tiêu dân giàu nc mạnh XH công bằng dân chủ văn minh là m/tiêu của v/h
 - Chiến lược phát triển kinh tế XH xác định: mục tiêu và động lực chính của sự -phát triển là vì con người do con người. Đó là chiến lược phát triển bền vững
 - Trong thực tế nhận thức và hành động, mục tiêu kinh tế vẫn thường lấn át mục tiêu XH. Văn hóa vẫn thường xem là đứng ngoài kinh tế. Hệ quả là kinh tế có thể tăng trưởng nhưng văn hóa bị suy giảm

-Nền văn hóa mà chúng ta xd là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng dldt và CNXH theo CN Mac –Lênin, tt HCM với mục tiêu tất cả vì con người. Tiên tiến k chỉ về nội dung mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện truyền tải n/dung..Bản sắc dt bao gồm những giá trị văn hóa truyền thống bền vững của cộng đồng các dt VN được vun đắp qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân-gia đình –làng xã – tổ quốc; đó là lòng nhân ái khoan dung, trọng tình nghĩa đạo lý, là đức tính cần cù sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo..Nói chung bản sắc dân tộc là sức sống bên trong của dân tộc, là q/trình dân tộc thường xuyên tự ý thức, tự khám phá, tự vượt qua chính mình biết cạnh tranh và hợp tác để tồn tại và phát triển..Bản sắc dân tộc thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống XH: cách tư duy, lối sống, cách dựng nc, giữ nc, cách sáng tạo trong văn hóa khoa học...nhưng thể hiện sâu sắc nhất là trong hệ giá trị của dân tộc, nó là cốt lõi của nền văn hóa.. Bản sắc dân tộc phát triển theo sự phát triển của thể chế kinh tế, thể chế xhvà thể chế chính trị quốc gia.

-Nền văn hóa VN là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc. Đây là nét đặc trưng nổi bật của văn hóa VN. Sự thống nhất bao hmaf cả tính đa dạng. Không có sự đồng hóa hoặc thôn tính, kỳ thị bản sắc văn hóa của các dân tộc

-Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đ lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là 1 sự nghiệp CM lâu dài, đòi hỏi ý chí CM và sự kiên trì, thận trọng

-Giáo dục và đào tạo cùng với khc.nghe đc coi là quốc sách hàng đầu. Việc này nhằm mục đích xd đội ngũ trí thức- bộ phận quan trọng trong xd và phát triển v/h

Chủ trương về xây dựng và phát triển nền văn hóa trong thời kỳ đổi mới

+Phát triển văn hóa gắn kết chặt và đồng bộ với phát triển kinh tế xã hội

+Làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

- +Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại
- +Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao
- +Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ
- +Xây dựng và hoàn thiện các giá trị mới và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ CNH-HDH và hội nhập kinh tế quốc tế

Câu 19: phân tích hoàn cảnh lịch sử và nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới

a) Hoàn cảnh lịch sử

-Tình hình thế giới từ thập kỷ 80 thế kỷ XX đến nay(đặc điểm thế giới ; các xu thế quốc tế)

+ Sự tác động sâu sắc, mạnh mẽ của cuộc Cm khoa học và công nghệ đến mọi mặt của đời sống của tất cả các quốc gia

+ Các nước XHCN lâm vào khủng hoảng sâu sắc, trật tự thế giới 2 cực tan rã

+ Xu thế chung của thế giới là hòa bình, hợp tác, phát triển (mặc dù vẫn còn những cuộc chiến tranh cục bộ xung đột, tranh chấp)

-Tình hình khu vực Châu Á –Thái Bình Dương:

+ Châu Á –Thái Bình Dương vẫn được đánh giá là khu vực ổn định mặc dù vẫn tồn tại những bất ổn (hạt nhân, tranh chấp lãnh hải biển đông...)

+ Là khu vực có tiềm lực lớn và năng động về phát triển kinh tế, xu thế hòa bình và hợp tác trong khu vực phát triển mạnh

-Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt nam: + Nhu cầu cần thiết và cấp bách: Giải tỏa tình trạng đối đầu, thù địch, phá thế bị bao vây, cấm vận tiến tới bình thường hóa và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các nước. tạo môi trường quốc tế thuận lợi để tập trung xây dựng kinh tế + Nhu cầu đặt ra gay gắt: Chống tụt hậu về kinh tế, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nước ta với các quốc gia khác: phát huy tối đa nguồn lực trong nước, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài

=>Ba quá trình trên là cơ sở để ĐCSVN xác định quan điểm và hoạch định chủ trương, chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới.

b) Mục tiêu nhiệm vụ, tư tưởng chỉ đạo

-Cơ hội và thách thức

- Cơ hội: Xu thế hòa bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu hóa kinh tế; thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đã nâng cao thế và lực của nước ta trên trường quốc tế C
- Thách thức: Những vấn đề toàn cầu: Phân hóa giàu nghèo, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia... chịu sức ép cạnh tranh gay gắt trên cả 3 cấp độ: Sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia. Những biến động trên thị trường quốc tế T

=>Những cơ hội, thách thức trên có mq/ hệ, t/động qua lại, có thể chuyên hóa lẫn nhau

-Mục tiêu nhiệm vụ đối ngoại

+Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế

+Kết hợp nội lực và ngoại lực để tạo thành nguồn lực tổng hợp đầy mạnh CNH, HDH

+Phát huy vai trò và nâng cao vị thế của VN trong quan hệ quốc tế

+Góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới

-Tư tưởng chỉ đạo

+Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của VN +Giữ vững đl tự chủ tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại +Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế +Mở rộng q/hệ với mọi quốc gia và lãnh thổ trên thế giới, k p/biệt chế độ c/trị XH +Kết hợp đối ngoại của Đ, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân +Giữ gìn bản sắc vhd, bảo vệ MT sinh thái trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế +Phát huy tối đa nội lực và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài +Đẩy

nhanh tốc độ cải cách thể chế, cơ chế chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương định hướng của Đ và nhà nước+Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đ, và phát huy vai trò của nhà nước các tổ chức chính trị XH và nhân dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

c) Một số chủ trương chính sách lớn về mở rộng q/hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế+Đưa các quan hệ đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững

+Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

+Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc quy định của WTO

+Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy nhà nước

+Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, d/ nghiệp và sp trong hội nhập k/tế quốc tế

+Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, XH và MT trong quá trình hội nhập

+Giữ vững và tăng cường quốc phòng an ninh trong qua trình hội nhập

+Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đ, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại

+Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đ, sự quản lý của nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

Câu 20: Phân tích thành tựu, ý nghĩa hạn chế nguyên nhân của đường lối đối ngoại vai hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới

-Thành tựu

- +Phá thế bị bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc
- +Giả quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan
- +Mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa(thiết lập mở rộng quan hệ với các nước, tham gia tích cực tại liên hợp quốc...)
- +Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế(tham gia AFTA,APEC,WTO)
- +Thu hút đầu tư nước ngoài mở rộng thị trường tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý
- +Từng bước đưa hoạt động của các d/nghiệp và cả nền k/tế vào m/truong cạnh tranh

-Ý nghĩa

- +Kết hợp nội lực với ngoại lực, hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn+Giữ vững củng cố độc lập tự chủ, định hướng XHCN+Nâng cao vị thế của VN trên trường quốc tế
 - Hạn chế và nguyên nhân**+Trong q/hệ với các nước, nhất là các nước lớn chúng ta còn lúng túng , bị động...
 - +Một số chủ trương,cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế, luật pháp chính sách quản lý kinh tế - thương mại chưa hoàn chỉnh
 - +Chưa hình thành được 1 kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết
 - +Doanh nghiệp nước ta còn yếu cả về sản xuất, quản lý và khả năng cạnh tranh
 - +Đội ngũ cán bộ công tác đối ngoại còn thiếu và yếu; công tác tổ chức chỉ đạo chưa sát và chưa kịp thời
- => Quá trình thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 1986-2008 mặc dù còn những hạn chế, nhưng thành tựu là cơ bản. Những thành tựu đó đã chứng minh đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đ và nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới là đúng đắn và sáng tạo

Câu 18: trình bày quá trình đổi mới nhận thức, quan điểm và chủ trương giải quyết các vấn đề XH trong thời kỳ đổi mới. Liên hệ thực tiễn

a) Quá trình đổi mới nhận thức

-Trong những năm 1986-1995

Đại hội VI nâng cao các vấn đề XH lên tầm chính sách, chỉ rõ tầm quan trọng của chính sách xã hội đối với chính sách kinh tế và các lĩnh vực khác

Đại hội VIII chủ trương tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng XH ngay trong từng bước và trong quá trình phát triển; thực hiện nhiều hình thức phân phối, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo; các vấn đề chính sách XH đều giải quyết theo tinh thần XH hóa

-Trong những năm 1996-2008

Đại hội IX chủ trương chính sách XH phải hướng vào phát triển và lành mạnh hóa XH thực hiện công bằng phân phối

Đại hội X chủ trương phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực từng địa phương. Khi Việt Nam gia nhập WTO, hội nghị TW 4 khóa X(1-2007) nhấn mạnh giá quyết tốt các vấn đề XH nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO

b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề XH

- Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội
- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển
- Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa công hiến và hưởng thụ
- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người HDI và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

c) Chủ trương về giải quyết các vấn đề XH

- Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu xóa đói giảm nghèo
- Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe
- Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả
- Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi
- Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình
- Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội

- Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng